

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhiễm

2. Ông Nguyễn Hữu Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Văn Đoàn Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2025/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp *Hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu 3, xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 10/9/2012, hôn nhân có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, anh chị sống chung, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Đến ngày

20/12/2024 thì anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, trong cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 2x/4/2013 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 2x/01/2015. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị T đến Tòa án làm việc nhưng chị T không chấp hành, vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không có bản tự khai thể hiện quan điểm của chị T.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Th là mẹ đẻ chị T trình bày: Vợ chồng anh Đ chị T kết hôn năm 2012, sau khi kết hôn anh Đ chị T sinh sống tại khu 3 xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, sau đó cùng nhau đi làm ăn. Trong thời gian chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không nắm rõ. Khoảng tháng 2/2025 giữa anh Đ chị T xảy ra mâu thuẫn nên gia đình hai bên đã khuyên giải hai anh chị nhiều lần. Anh Đ chị T có hai con còn nhỏ là Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Quỳnh C. Bà cũng có nghe chị T nói anh Đ muốn ly hôn với chị T, cụ thể như thế nào thì bà không nắm rõ. Việc chị T không đến Tòa án làm việc lý do cụ thể như thế nào thì bà không biết. Gia đình bà vẫn mong muốn anh Đ chị T đoàn tụ về cùng nuôi dạy con cái.

Qua làm việc tại địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã S (nay là xã T) cung cấp: Anh Đ, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã , tỉnh Phú Thọ) năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị Đ T sinh sống ở khu 3 xã S, huyện Thanh Thủy (Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ), sau đó cùng nhau đi làm ăn. Quá trình chung sống, Anh Đ chị T mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Khi có mâu thuẫn anh chị không đề nghị địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay anh Đ xin ly hôn chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ tại phiên tòa:

+ **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:**

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly chi Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao hai con chung cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sau khi nghe ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị T, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại xã S, huyện Thanh Thủy, (nay là xã T), tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự do nguyên đơn anh Đ đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; mặt khác chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự, là phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 10/9/2012, việc kết hôn là tự nguyện và đăng ký tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, (nay là xã T) tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Đ chị T chung sống hạnh phúc, đến ngày 20/12/2024 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt quan điểm, lối sống, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị được ly hôn chị T. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, báo gọi chị T nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng chị T không chấp hành, cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do chị T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm của chị về việc anh Đ đề nghị ly hôn và giải quyết về con chung cũng như tài sản chung và các vấn đề khác. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ chị T là có thật, chị T không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hóa giải mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ và xử cho anh Đ được ly hôn chị T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 2x/4/2013 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 2x/01/2015. Ly hôn, anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu A và cháu C là mong muốn được ở cùng với bố và bà nội sau khi bố mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giao hai con chung cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp thực tế và phù hợp nguyện vọng của các con chung. Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của anh Đ nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết; chị T vắng mặt không có quan điểm đề nghị nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 2x/4/2013 và Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 2x/01/2015 kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu Hoàng A, cháu Quỳnh C thành niên.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003933 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T, tỉnh Phú Thọ

(Nơi ĐKKH)

- Các đương sự;
- Lưu HS-VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa